Lesson 1

Name:

子	zi n., Master
子zi	子子子
子	
日	yuē v., to say (used to introduce a direct quotation)
曰 yuē	日日日日
日	
州	xìng n., nature (as in "human nature")
小 xīn	性性性性性性
性	
相	xiāng adv., to each other
E mù	相相相相相相相
相	
沂	jìn s.v., to be close
بر دhuò	近近近近近近
近	

Lesson 1

Name:

th.	yĕ g.p. (comes at end of sentences to mark nominal sentences	
) gōu	也也也	
也		
羽	xí n., practices	
E	羽羽羽羽羽羽羽羽羽	
羽白 羽yù		
羽		
E		
洁	yuǎn s.v., to be far	
	遠遠遠遠遠遠遠遠遠遠遠遠遠	
r) chuò		
读		